

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 22/4/2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đồng.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 04/2021/TB-TA ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Th, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 5, xã M, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn 5, xã M, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn - chị Lê Thị Thu Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Anh T tự nguyện đăng ký kết tại UBND xã Đ (hiện nay là xã M) vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2016 do anh T bị nghiện ma túy, không làm ăn để chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 9/2020 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù, anh T có tác động chị Th quay về chung sống lại với nhau, nhưng vì không còn niềm

tin nên chị Th không đồng ý tiếp tục chung sống với anh T. Hiện nay, chị Th không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Th và anh T có 01 người con chung tên là Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 15/4/2012. Nếu ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết.

[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị Thu Th kết hôn với nhau vào năm 2015 tại UBND xã Đ (hiện nay là xã M). Mặc dù, trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2020, vì lý do dịch bệnh, anh T không đi làm được nên cuộc sống gặp khó khăn. Do đó, vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Anh T đã cố gắng thay đổi để cuộc sống vợ chồng hòa thuận hơn. Hiện nay, anh T vẫn còn tình cảm với chị Th nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị Th có 01 người con chung tên là Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 15/4/2012. Nếu ly hôn anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Anh Th1 cho chị Th được quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu chứng cứ chị Lê Thị Thu Th cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 quyết định thay đổi lại họ cho con trong giấy khai sinh (bản phô tô) ; 02 chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (phô tô); 01 giấy khai sinh.

- Anh Nguyễn Anh T không cung cấp chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng quan hệ hôn nhân của anh T và chị Thảo.

[4]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn.

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất:

- Về con chung: Anh T đồng ý giao người con chung tên là Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 15/4/2012 cho chị Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thu Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Nguyễn Anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thu Th được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Anh Th1, sinh năm 2012 cho chị Lê Thị Thu Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Anh T hai lần hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Chị Lê Thị Thu Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Thu Th và bị đơn anh Nguyễn Anh T. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật trong vụ án:*

Nguyên đơn - chị Lê Thị Thu Th yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] *Xét yêu cầu của chị Lê Thị Thu Th:*

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Anh T kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ (hiện nay là xã M) vào năm 2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi

và nhau. Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị Th nên không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh, ngày 09/3/2021 xác định: Trong cuộc sống vợ chồng anh T, chị Th xảy ra mâu thuẫn cãi vã và xô xác nhau vì lý do gì thì không thể xác định được.

Xét thấy: Mặc dù, anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị Th nên không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Th xác định không còn tình cảm với anh T. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Anh T có tác động chị Th quay về để vợ chồng tiếp tục chung sống lại, nhưng vì không còn tin tưởng anh T nên chị Th không đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận cho chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Thu Th và anh Nguyễn Anh T có một người con chung tên là Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 15/4/2012. Thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên.

Tại biên bản hòa giải, ngày 18/12/2020 (Bút lục 27) thể hiện: Anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Anh Th1 cho chị Th được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Anh Th1, ngày 22/01/2021 (bút lục 23) thể hiện: Cháu Nguyễn Anh Th1 có nguyện vọng được sống với chị Thảo.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị Th được quyền nuôi cháu Nguyễn Anh Th1 cho đến khi thành niên là có căn cứ chấp nhận. Cho nên, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 15/4/2012 cho chị Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Anh T và chị Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Cần buộc chị Lê Thị Thu Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu Th.

Chị Lê Thị Thu Th được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

2. *Về con chung*:

Tiếp tục giao cho chị Lê Thị Thu Th có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Nguyễn Anh Th1, sinh ngày 15/4/2012 cho đến khi con thành niên.

Anh Nguyễn Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Thảo, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị Th không được ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*:

- Chị Lê Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số No 0004355, ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã M;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến